

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2025.
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Học.

Ông Lê Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hữu Bình - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2025/TLST- HNGĐ ngày 01/10/2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2025/QĐST - HNGĐ ngày 12/11/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị M**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố Hà Nội, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Văn T ngày 28/02/2013 tại UBND xã Châu Sơn, huyện Ba Vì, Hà Nội nay là xã C, thành phố Hà Nội trước khi kết hôn anh, chị có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Cưới xong vợ chồng về sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn H, xã c, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị và anh T thường bất đồng quan điểm sống, bản thân anh T không quan tâm, chia sẻ về kinh tế gia đình với chị, anh đi làm được bao tiền thì chơi cờ bạc hết, nhiều lần chị khuyên can nhưng anh không có thay đổi gì, nên vợ chồng luôn xảy ra to Tg với

nhau, những lúc nóng giận anh có lời lẽ dọa nạt đánh chị, từ đó tình cảm vợ chồng ngày nhạt dần. Đến năm 2015 anh T thường đi làm xa ít về nhà, anh đi làm gì ở đâu không nói và không cho chị biết, đến năm 2017 anh về nhà được một thời gian sau đó lại tiếp tục đi làm thỉnh thoảng mới về gia đình, khi đi làm anh chỉ gọi điện về hỏi thăm bố, mẹ đẻ và con nhưng không có quan tâm đến gì đến chị. Tuy ở cùng nhà với bố, mẹ chồng nhưng chị và con đã tự nấu ăn, ở riêng không chung gì về kinh tế với gia đình nhà anh. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng gì với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 10/12/2013 (hiện cháu mạnh khỏe, bình thường). Ly hôn chị xin nuôi cháu A và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, hiện chị là giáo viên trường Mầm non có thu nhập ổn định đủ khả năng để nuôi con.

- *Về tài sản chung; nợ chung; công sức*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về phía bị đơn anh Lê Văn T*: Sau khi Tòa án thụ lý đơn ly hôn theo đơn khởi kiện của chị M, Tòa án đã báo anh T đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Tòa án cùng trưởng thôn trực tiếp đến nhà anh T tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đến phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T nhưng anh đi làm không có mặt ở nhà, Tòa án tổng đạt các văn bản cho mẹ đẻ sống cùng nhà với anh T bà nhận nhưng không ký nhận thay anh T, Tòa án giao các văn bản cho trưởng thôn giao lại cho anh T để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hà Nội phát biểu ý kiến*:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M, cho chị M được ly hôn anh Lê Văn T.

+ Về con chung: Có 01 con là cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 10/12/2013. Giao chị M tiếp tục nuôi cháu Anh.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị M không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” hiện anh T đang có hộ khẩu trú tại xã Cổ Đô, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Lê Thị M, anh Lê Văn T kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội (nay là xã C, thành phố Hà Nội) là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, từ năm 2017 đã sống ly thân đến nay, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, bị đơn không hợp tác. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*. Như vậy, hiện chị M và anh T đã sống ly thân nhiều năm và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị M, anh T có 01 con chung là cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 10/12/2013. Khi ly hôn chị M xin được tiếp tục nuôi con, nguyện vọng của cháu A xin được ở với mẹ, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện chị M đang trực tiếp nuôi cháu A từ năm 2014 đến nay. Do vậy, tiếp tục giao cháu Anh cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai. Tuy nhiên, hồ sơ không có ý kiến của anh T về các quan hệ này.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, Tòa án không giải quyết về tài sản chung và nợ của vợ chồng chị M, anh T trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị M.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M được ly hôn anh Lê Văn T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 10/12/2013 cho chị Lê Thị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Tuấn A đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Anh T được quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008964 ngày 24/9//2025 của Thị hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:**

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 9 - Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Hưng

